

PHỐ VÀ CHỢ ĐẦM: DẤU VẾT HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐẦU THẾ KỶ XX Ở THANH HÓA

HÀ ĐÌNH HÙNG

Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế
Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Nhận bài ngày 09/9/2025. Sửa chữa xong 10/10/2025. Duyệt đăng 14/10/2025.

Abstract

Đầm Street, an ancient commercial town in Thanh Hoa Province, Vietnam, once served as a bustling and diverse trade center in the early 20th century. This study synthesizes historical, geographical, and cultural data to analyze the formation, development, and socio-economic roles of Đầm Street and Đầm Market within the feudal and colonial historical context. In addition, the paper elucidates the material and spiritual cultural characteristics of the area, while assessing the current state of its ancient architecture and urban transformation over time. The findings reveal that Đầm Street stands as a typical example of cultural intersection, regional riverine trade development along the Chu River, and the contemporary challenges of preserving Vietnam's traditional urban heritage.

Keywords: Commerce, market, Thanh Hóa, trade activities, urban heritage, 20th century.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX, các đô thị và không gian chợ truyền thống không chỉ là nơi diễn ra hoạt động trao đổi hàng hóa mà còn phản ánh sinh động sự biến chuyển về kinh tế, xã hội và văn hóa trong bối cảnh thuộc địa. Thanh Hóa – với vị trí là một trung tâm vùng Bắc Trung Bộ đã sớm hình thành những điểm giao thương sôi động, góp phần kết nối miền núi, trung du và ven biển. Trong đó, phố và chợ Đầm nổi lên như một không gian thương mại đặc sắc, lưu giữ nhiều dấu vết về sự giao thoa giữa truyền thống bản địa và ảnh hưởng của kinh tế thị trường thời Pháp thuộc. Việc nghiên cứu phố và chợ Đầm không chỉ giúp tái hiện diện mạo hoạt động thương mại ở Thanh Hóa đầu thế kỷ XX mà còn góp phần nhận diện quá trình đô thị hóa và biến đổi kinh tế vùng trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Tuy nhiên, đến nay các công trình nghiên cứu về chủ đề này còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào khía cạnh hành chính – đô thị hoặc các trung tâm lớn như Hà Nội, Nam Định, Vinh, trong khi Thanh Hóa vẫn là một khoảng trống đáng chú ý trong nghiên cứu lịch sử kinh tế – xã hội. Từ thực tế đó, bài báo này hướng tới việc làm rõ những dấu vết hoạt động thương mại đầu thế kỷ XX ở Thanh Hóa thông qua khảo sát phố và chợ Đầm, góp phần bổ sung tư liệu cho nghiên cứu lịch sử địa phương cũng như nhận diện vai trò của các không gian giao thương truyền thống trong tiến trình phát triển đô thị vùng.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Các nghiên cứu về lịch sử đô thị và hoạt động thương mại ở Việt Nam đầu thế kỷ XX đã được triển khai ở nhiều cấp độ, tập trung chủ yếu vào các trung tâm lớn thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Nhiều công trình đã khảo sát quá trình hình thành phố thị truyền thống, sự du nhập của mô hình đô thị thuộc địa và sự biến đổi của hệ thống chợ - phố trong bối cảnh kinh tế thị trường và quản lý hành chính kiểu Pháp (Nguyễn Văn Huy, 2002; Taylor, 2013; Brocheux, 2011). Các nghiên cứu này cung cấp nền tảng quan trọng để nhận diện sự chuyển mình của không gian giao thương truyền thống khi tiếp xúc với cơ chế quản trị thuộc địa và luồng hàng hóa mới. Khi bàn về sự hình thành phố chợ ở Thăng Long, Nguyễn Ngọc Tiến đã cho rằng: “Sự giao thương hàng hóa ở nhiều bến sông thừa sơ khai

Email: hadinhhung@dvttdt.edu.vn

đã hình thành nên các chợ và cũng chính là nơi sinh ra ngôn ngữ thị dân” [7]. Có thể Phố và Chợ Đầm ở Xứ Thanh cũng là một xu thế theo dòng chảy này.

Riêng tại Thanh Hóa, một số công trình biên soạn lịch sử và địa chí địa phương đã ghi nhận vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đã xuất hiện những điểm giao thương, tập trung các cư dân Việt vùng Nam Định, Hà Nam, Phú Thọ, Hà Tĩnh... và cả người Pháp, Thái Lan, Trung Quốc di cư đến vùng đất này để sinh sống và buôn bán [2].

Tuy vậy, những nghiên cứu này chủ yếu mang tính mô tả khái quát, thiếu đi các phân tích chuyên sâu về cấu trúc không gian, loại hình hoạt động thương mại cũng như vai trò của từng điểm chợ - phố cụ thể trong mạng lưới kinh tế địa phương. Phố và chợ Đầm, dù được nhắc đến như một điểm giao thương quan trọng vẫn chưa được nghiên cứu độc lập, hệ thống và đối chiếu với tư liệu thuộc địa.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử kết hợp địa- văn hóa để phục dựng bối cảnh và nhận diện dấu vết thương mại. Các nguồn tư liệu được khai thác bao gồm:

- Tư liệu hành chính thời Pháp thuộc (bản đồ, địa bạ, báo cáo niên giám);
- Địa chí và tài liệu nghiên cứu địa phương;
- Ghi chép dân gian và ký ức cộng đồng thu thập qua khảo sát điền dã.

Phương pháp phân tích tư liệu lịch sử được vận dụng nhằm tái hiện quá trình hình thành và hoạt động của phố, chợ Đầm trong mối liên hệ với mạng lưới giao thương vùng Thanh Hóa. Bên cạnh đó, phương pháp đối chiếu bản đồ - không gian được sử dụng để xác định vị trí, quy mô và mối liên kết của các điểm thương mại trong không gian đô thị đang định hình đầu thế kỷ XX. Cách tiếp cận liên ngành giữa lịch sử, địa lý và văn hóa giúp làm rõ vai trò của phố và chợ Đầm như một điểm nút thương mại quan trọng của địa phương trong tiến trình đô thị hóa sớm.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Lịch sử hình thành, phát triển

4.1.1. Đô thị Phố Đầm

Phố Đầm được hình thành trên nền đất bãi bồi ven sông Chu có niên đại khoảng 300 năm. Theo tư liệu lịch sử, đơn vị hành chính đầu tiên tại đây được thiết lập vào năm 1907 dưới tên gọi Quảng Ích xã với 5 giáp và 2 vạn chài, nằm trong tổng Quảng Thi¹. Vị trí chiến lược “nhất cận thị, nhị cận giang” cho phép thuyền bè dễ dàng neo đậu và trao đổi hàng hóa đa dạng, bao gồm các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, lâm thổ sản và nông sản.

Các giả thuyết² về nguồn gốc tên gọi “Phố Đầm” đều phản ánh sự đa dạng về văn hóa và lịch sử địa phương, trong đó có các quan điểm liên quan đến sự hiện diện của người Pháp, địa hình đầm lầy ven sông và sự biến đổi tên gọi theo lịch sử triều Nguyễn. Dù vậy, tên gọi này vẫn được lưu truyền trong dân gian và trở thành biểu tượng của khu vực.

1) Theo các cụ cao tuổi tại đây cho biết vào những năm đầu thế kỷ 19 chợ Đầm được hình thành bên bờ sông Chu do những người quê gốc từ làng Hào Lương, Hào Kiệt (xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, Nam Định), Phúc Xuyên, Đức Hồng (Hà Tĩnh) buôn bán, lâu dần họ xin được định cư lâu dài tại vùng đất mới này. Khi mới đến lập nghiệp những người đến “ngụ cư” thường bị dân bản địa ức hiếp. Năm Tự Đức thứ 6 (1852), khu vực này có tổng cộng 27 hộ dân, để lập một làng mới họ phải khai thêm 9 hộ dân để xin nhà nước phong kiến công nhận làng mới với tên chính thức là Quảng Ích, nằm trong tổng Quảng Thi.

2) *Giả thuyết thứ nhất: Theo các cụ cao tuổi sinh sống tại đây cho biết do địa điểm này trấn giữ con đường huyết mạch đông tây bằng đường thủy và đường bộ, ngay từ những ngày đầu nơi đây đã được chính quyền thực dân Pháp quan tâm, đặt các trạm, đồn để quản lý toàn bộ hoạt động chính trị, an ninh, kinh tế - xã hội, đặc biệt là hoạt động giao thương buôn bán. Bởi vậy Phố Đầm đã có nhiều người Pháp sinh sống đến, trong đó có nhiều vợ quan chức Pháp thường mặc váy đầm đến sinh hoạt vật chất và tinh thần trong chiến cuộc bình định các vùng miền của xứ Thanh. Từ cơ sở đó người ta gọi tên địa danh phố Tây này là phố của các “Bà Đầm”.

*Giả thuyết thứ hai: Khu vực này nằm trên bãi đất bồi ven sông, không bị ngăn cách bởi con đê, hàng năm vào mùa mưa lũ lụt thường xuyên diễn ra. Đứng từ các xã lân cận nhìn xuống nơi đây trông như một hồ nước lớn (đầm). Khi làng được lập thì gọi vùng trũng có người sinh sống đó có tên là “Đầm”. Điều này dễ dàng quan sát khi đứng bên bờ Nam sông Chu (Tứ Trụ).

*Giả thuyết thứ ba: Trước thế kỷ XVII làng Đầm đang còn là bãi bồi, chưa có cư dân sinh sống, toàn bộ đây là đơn vị hành chính của làng Đầm Thi, thuộc huyện Lương Giang. Sau khi Lê Thế Tông (tức vua Lê Duy Đàm) lên ngôi năm 1573, để tránh tên húy của ông, làng Đầm Thi đổi tên thành Quảng Thi. Đến thế kỷ XIX, trên bãi bồi ven sông có dân đến sinh sống, họ lấy tên cũ của làng gốc để đặt tên và đọc chệch tên húy “Đầm” của vua Lê Thế Tông thành “Đầm”.

Phố Đầm là nơi tập trung đa dạng các cộng đồng dân cư đến từ nhiều địa phương khác nhau như Nam Định, Hà Nam, Sơn Tây, Hà Tĩnh, Nghệ An cũ, cùng một số cộng đồng người Hoa, Ấn Độ và Thái Lan, hình thành nên một xã hội đa văn hóa và đa ngành nghề. Các nghề thủ công truyền thống như kim hoàn, rèn, đan lát, nhuộm vải và may đo phát triển mạnh, tạo nên sự phong phú trong nền kinh tế địa phương.

Đường bộ Thanh Hóa - Bái Thượng được Pháp xây dựng là con đường huyết mạch giao thương giữa miền núi với miền xuôi, là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cụm thương mại Tứ Trụ - Phố Đầm ở hai bờ sông Chu đầu thế kỷ XX.

Địa danh này có tên chữ là làng Quảng Ích, thuộc tổng Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hoá (triều Nguyễn), còn “Phố Đầm” là tên gọi Nôm dân gian đặt cho. Trong quá trình diễn dã người dân nơi đây không cắt nghĩa tên địa danh của mình và nó xuất hiện tự bao giờ. Trải qua biến thiên của lịch sử tên gọi “Phố Đầm” vẫn tồn tại trong tâm thức của người dân bản địa và những người chưa từng một lần đến nơi đây.

Như vậy tên gọi địa danh “Đầm” tôi chưa thể kết luận chính xác. Do vậy những lý giải khác nhau chỉ mang tính gợi mở cần phải nghiên cứu sâu để cái nhìn hợp lý, chân thực và khách quan hơn về địa danh này.

Làng Đầm tập hợp nhiều cộng đồng dân cư khác nhau đến sinh cơ, lập nghiệp bao gồm: Người Hào Kiệt, Hào Lương thuộc tổng Hào Kiệt, huyện Vụ Bản, phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định cũ; người Quang Ấm, tổng Lam Cầu, huyện Duy Tiên, phủ Lý Nhân, Hà Nội tỉnh Hà Nam cũ; người Sơn Lũng, tổng Sơn Vi, phủ Lâm Thao (tỉnh Phú Thọ cũ); người Phượng Dực (Hà Tây cũ, nay là thành phố Hà Nội); người Trung Lương, xã Đức Hồng, huyện Đức Thọ và người Phúc Xuyên, huyện Thạch Hà cũ (tỉnh Hà Tĩnh); người từ Quảng Xương, Hoằng Hóa, Sầm Sơn, Hậu Lộc, Thiệu Hóa, thành phố Thanh Hóa cũ. Một số ít là người người Hoa, người Ấn Độ, người Thái Lan và cộng đồng vạn chài đến sinh sống.

Cũng như các đô thị cổ khác, dân cư phố Đầm được lập từ những cộng đồng dân cư khác nhau mà không có dân cư gốc. Họ là những người “Tứ Chiếng”³ lanh lợi, giỏi giang buôn bán. Thế mạnh của họ đã góp phần tạo yếu tố “thị” phát triển, các hoạt động buôn bán trở nên nhộn nhịp, sầm uất, nhiều công trình văn hoá như nhà cửa, đền đài, miếu mạo được xây dựng. Phố Đầm có chợ nằm ở trung tâm, hàng quán, nhà ở, phố xá được cấu trúc tự nhiên theo trục xương cá chạy dọc bên dòng sông Chu dài gần một nghìn mét. Mọi nhà đều có cửa hàng, cửa hiệu quay hướng ra đường tạo thành dãy phố trù phú.

Bến Đầm nằm ở trên dòng sông vừa rộng, vừa sâu, tiện lợi cho những thuyền bè loại lớn, chuyên chở công kênh neo đậu để vào ra “ăn hàng”. Hàng hóa quý ở các nơi, sản phẩm hiếm ở khắp các miền trong và ngoài tỉnh được những chiếc thuyền “tam bản”³ ngược dòng sông Chu để về cập bến, dỡ hàng cung cấp cho chợ Đầm. Ngược lại hàng hóa từ trên chợ lại xuống bến, lên thuyền tỏa đi khắp mọi nơi. Những bè gỗ, bè nứa, luống, giang từ miền ngược bán tại đây hoặc nghỉ lại để tiếp tục hành trình đi về xuôi tới bến Vạn Hà, Dương Xá và cả ngoài tỉnh. Các thương nhân, chủ thuyền thường buôn bán, trao đổi ngay tại bến, nhất trong những phiên chợ, tạo cho bến sông sôi động, sầm uất.

“Nhất vui là bến đò Đầm

Kê lên phố Bái, người xuôi phố Giàng”

Những nhân tố thuận lợi cho sự hình thành, phát triển của Phố Đầm - nơi tiếp nhận hàng hóa, nơi sản xuất các mặt hàng thủ công là thành tố quan trọng tạo cho nơi đây sự phát triển vững chắc. Họ buôn bán chủ yếu các hàng lâm thổ sản như măng khô, mực nhĩ, củ nâu (để nhuộm vải) và làm các nghề thủ công như đan cót, may nón... Từ đây mở thành các cửa hàng, cửa hiệu lớn như: Nam Ích, Tấn Long, Nguyên Hương bán kim hoàn, Quảng Phát bán thuốc bắc, Tân Mỹ bán vải, Mỹ Thái bán thuốc Lào, Nam Đồng Ích bán rượu, Chí Lũy bán hàng tạp hóa...

Ở Phố Đầm, khi các cộng đồng đến sinh sống đều lấy tên của làng quê cũ để đặt tên phân khu thành giáp⁴ của mình:

3) Là thuyền từ Nghệ An, Hà Tĩnh ra buôn bán có căng buồm 3 màu. Thời kỳ này thuyền là phương tiện vận chuyển chủ yếu cho những chuyến đi xa với khối lượng hàng hóa lớn

4) Giáp là một đơn vị hành chính như một xóm, thôn, là một làng nhỏ trong làng lớn

Trên cùng là giáp Phúc Xuyên và giáp Hà Quảng: Người Phúc xuyên chủ yếu là người làng Trung Lương và người Phúc Xuyên. Họ chủ yếu làm nghề rèn, chạm bạc, chạm vàng. Phân công rất rõ nam làm nghề rèn, chạm vàng, bạc, nữ may nón, làm bánh, quán ăn. Giáp Hà Quảng gốc là người từ tỉnh Quảng Bình cũ, Kỳ Anh (tỉnh Hà Tĩnh) ra định cư, nghề nghiệp tương đồng như giáp Phúc Xuyên.

Nằm ở cuối làng là giáp Vạn Quang, bao gồm người vạn chài từ các huyện ven biển của Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và người Quang Ấm (thuộc thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam cũ, nay thuộc về tỉnh Ninh Bình) đến. Cộng đồng này chủ yếu làm nghề chèo thuyền bắt nước mắm. Trong đó đàn ông thì làm nghề sông nước như đi bè, mảng vì họ là người gốc ven sông biển quen luồn lách, đàn bà thì nấu mắm, bán hàng cá, muối...

Trung tâm là giáp Phụ Thành và giáp Hào. Phụ Thành là nơi của nhiều cộng đồng người góp lại mà thành, trong đó chủ yếu là người Sơn Lũng, Phượng Dực, Hải Phòng cũ, người Hoa và Ấn Độ sinh sống. Họ buôn bán chủ yếu những mặt hàng thiết yếu như vải vóc, nồi, niêu, chĩnh ché, chiếu; các hàng nông lâm thổ sản như bông vải, khoai, đậu, măng khô, mực nhĩ, củ nâu và làm các nghề thủ công: nhuộm, may... Giáp Hào là người Hào Kiệt, Hào Lương (tỉnh Nam Định cũ). Họ thường làm các nghề mộc, nấu rượu, may đo...

Ở phố Đầm hầu hết các cộng đồng dân cư đến đây đều mang theo nghề thủ công truyền thống của làng quê cũ, cộng với sự tài hoa, năng động để dựng nghiệp ở vùng đất mới, phổ biến nhất là nghề kim hoàn, mộc, đan lát, may nón...

Nghề kim hoàn được các người thợ gốc Thạch Trị, Thạch Hà (tỉnh Hà Tĩnh) đến đây gây dựng. Họ tập trung thành phường và xây dựng nên khu phố thợ làm bạc, thợ vàng với các đồ trang sức vàng bạc, cung cấp cho cả vùng rộng lớn và vươn ra tỉnh ngoài phục vụ trang sức của một bộ phận người giàu có. Người thợ luôn khi chế tác ra nghề kim hoàn tinh xảo luôn thực hiện ba khâu kỹ thuật quan trọng của nghề gia truyền là: chạm, đục và trơn. Từ nghề kim hoàn đã mọc lên những cửa hàng, cửa hiệu lớn như: Nam ích, Tấn Long, Nguyên Hương...

Nghề rèn của thợ rèn gốc Trung Lương rất tài hoa, họ nắm được kinh nghiệm luyện sắt, chọn thép để tạo ra những sản phẩm như dao, cuốc, mai, rìu, kiềng ba chân và những vật dụng thiết yếu cung cấp cho đồng bào miền núi.

Người Nghệ An có thể mạnh nghề đan của với các sản phẩm như may nón, đan cót, đan bồ và các dụng cụ chứa đựng khác. Đây là một nghề thủ công không phải đầu tư nhiều vốn liếng, kỹ thuật và cũng không tốn kém mất nhiều sức lực.

Nơi đây còn các nghề rất phát triển là nghề nhuộm, dệt, làm giấy, đúc đồng, rèn, gổm, hàng mã và đóng thuyền. Trong đó thợ may Phố Đầm rất khéo tay, thể hiện ở những kiểu áo quần, áo tứ thân, áo dài cho phụ nữ, áo vest, sơ mi, quần Tây cho nam giới. Trong nửa đầu thế kỷ XX có những gia đình nổi tiếng về bán vải, may cải tiến thiết kế quần áo nổi tiếng phục vụ cho nhân dân trong tỉnh.

Sơn tràng là nghề phổ biến ở phố Đầm. Nghề này cần kinh nghiệm và kỹ thuật kết bè mảng mà không phải ai cũng làm được. Nhưng, lái bè mới chính là một nghề chỉ dành cho những đấng nam nhi can trường. Có thể nói mỗi chuyến xuôi bè là một cuộc vật lộn với sông nước. Đây không chỉ là cuộc độ sức mà còn là cuộc độ trí, một thách thức của thiên nhiên hoang dã với sức lực và trí thông minh của con người. Họ phải có hiểu thấu đáo và cả sự nhạy cảm của trực giác, để luôn luôn thích nghi với thiên nhiên trong mọi hoàn cảnh. Sự khôn ngoan này không thể chỉ dựa vào đầu óc, kinh nghiệm của một thế hệ, nó là trí khôn kết tinh từ nhiều thế hệ đi trước truyền nối.

4.1.2. Chợ Đầm

Ở nông thôn, chợ là một thị trường với tư cách như một thể chế đưa những người tiểu nông, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và những thương nhân chuyên nghiệp từ những làng xã hoặc những vùng, miền, đô thị lại với nhau: "Đây là một thể chế tổ chức và phối hợp các tương tác xã hội như các hành vi kinh doanh, thương mại... của nhiều người ở nhiều địa điểm khác nhau trong một hoạt động chung. Nó cho phép người mua và người bán có thể trao đổi thông tin và trao cho họ cơ hội để hoàn

thành mục đích mua - bán hàng hóa, dịch vụ" [6, tr. 52]. Muốn hiểu đúng về "Chợ Đầm" thì phải đặt nó trong bối cảnh "Phố Đầm". Chợ Đầm vừa có nét "chợ" của thôn quê, cũng vừa có nét "thị", nơi trao đổi, mua bán đặc điểm của đô thị. *"Chợ quê là địa chỉ để giao lưu văn hóa, trò chuyện. Đến chợ là có thể biết đủ mọi chuyện vui buồn. Vừa mua bán vừa thông tin cho nhau về cuộc sống riêng tư như: Cưới hỏi, người sinh, người mất, quà tặng, chẵn thán, thôi nôi, hội hè, người đau, kẻ ốm..."* [5, tr. 46].

Tại Chợ Đầm, với sự tài hoa, con người ở đây đã sáng tạo nhiều sản phẩm nội sinh từ các nghề thủ công truyền thống như làm mộc, kim hoàn, nấu rượu, nhuộm vải, may đo, nghề đan đã tạo ra nhiều sản phẩm cung cấp ra thị trường: vàng, bạc, vải vóc, quần áo, đồ đan gia dụng (nồi niêu, thúng, nón, dao, cuốc, mai, rìu, kiềng sắt), rượu, nước mắm, quán ăn, gạo, đồ, mắm, muối, cá khô, vải. Các hàng nông sản địa phương như: mật mía, gạo, khoai, đậu... Là nơi giao dịch đối chác giữa miền ngược và miền xuôi, đồng thời đã đón tiếp nhiều thương nhân nước ngoài đến buôn bán đã tạo ra hàng hóa phong phú không phải nơi nào cũng có được.

Ngoài vị trí trấn thủ huyết mạch đông tây của Thanh Hóa, Phố Đầm mang diện mạo của một đô thị kinh tế, đây chính là nơi tiếp nhận hàng cung cấp trực tiếp cho chợ theo mạch đường sông. Cùng với bến cảng sông là khu chợ sầm uất, tấp nập không kể ngày đêm. Chợ Đầm đã vượt khuôn khổ của chợ địa phương để trở thành chợ liên vùng. Thuyền bè từ các huyện xa gần trong nước cũng như ngoài nước đã đến đây buôn bán, trao đổi hàng hóa. Hàng hóa ở chợ gồm những sản phẩm quý như mía ngọt Tào Giang, mía đường Kim Tân, cam sành Phú Lý, cam giấy Bù Rinh, dưa Hoàng Hoá, chảo gang Duyên Lộc, chum vại Đức Thọ, gạch ngói Cẩm Chương, quạt giấy Lưu Vệ, nhiễu hồng Lai Duệ, vải lụa Hồng Đô, chiếu cói Nga Sơn, đồ đồng Đại Bái. Ngoài ra hàng hóa còn hàng nông sản (gạo, thịt, cá, mắm, muối); hàng lâm sản (măng khô, măng tươi, thuốc men) và các hàng đặc dụng khác như trâu bò, ngà voi, sừng tê, quế, trầm hương, sáp ong... đa số là người Mường, người Thái, người Dao ở các huyện Ngọc Lặc, Lang Chánh, Thường Xuân, Bá Thước, Quan Hóa và người Lào mang đến. Họ mua các mặt hàng thủ công như: vải vóc, tơ lụa, đường mật, chiếu ché, đồ mây tre đan, gốm sứ, đồ sắt và các nhu yếu phẩm khác như muối, gạo, thịt, cá... Những mặt hàng đẩy theo dòng sông Chu, hay các tuyến đường bộ một tháng sáu phiên về đây trao đổi, bán buôn. Ngoài ra còn phải nói đến đó hoạt động buôn bán thuốc phiện, bài bạc, rượu, chè, "nhà thổ"... khá phát triển trong thời gian này phục vụ nhu cầu lệch lạc của một bộ phận người lúc bấy giờ.

4.2. Các giá trị văn hóa đặc sắc của di sản

So với các đô thị khác, Phố Đầm cũng có những nét chung, là nơi gặp gỡ, giao thoa của nhiều nền văn hóa. Đặc điểm đầu tiên có thể nhận thấy ở văn hóa Phố Đầm chính là tính đa dạng đã tiếp nhận nhiều cư dân mới đến sinh sống. Điều này giúp cho Phố Đầm có được một nền văn hóa phong phú, thể hiện ở tất cả các hình thái văn hóa vật chất và tinh thần như xây dựng, kiến trúc, trang phục, ẩm thực...

Người Phố Đầm rất chú ý đến cách ăn mặc, đầu tiên là chọn lựa chất liệu của quần áo. Chất liệu may áo ưa chuộng là vải the được dệt bằng tơ tằm, dệt thưa, nhuộm thâm. Chất liệu may quần của nữ là nhiễu Hồng Đô mới là hàng tốt nhất vì sợi mịn, mặt bóng. Ngoài ra, một số chất liệu vải cao cấp cũng hay được dùng như: sa, xuyến, băng, là, nhiễu... đều là sản phẩm của các làng nghề ở trong tỉnh hay các tỉnh lân cận sản xuất.

Thời bấy giờ, người làm nghề thủ công, buôn bán, lao động thì ưa quần áo màu thâm, trắng và nâu, nghề nhuộm rất phát triển vì quần áo nhuộm bằng củ nâu vừa bền màu vừa bền sợi.

Nằm vị trí ven sông, nơi gặp nhau của các tuyến giao thông đường thủy, đường bộ và cũng là nơi hội tụ về kinh tế, văn hóa liên tục trong gần hai thế kỷ, Phố Đầm có được phong cách ẩm thực đa dạng và mang những sắc thái riêng biệt. Môi trường thương nghiệp là chính đã ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày, phong tục tập quán, lối sống của cư dân địa phương, trong đó có thói quen ăn uống thịt cá, phở chiếm một phần lớn, là món ăn không thể thiếu trong khẩu phần hàng ngày của dân cư Phố Đầm.

Bên cạnh những món đặc sản mang tính phố thị như bún, phở, giò, chả... Phố Đầm còn có nhiều món ăn dân dã hấp dẫn như bánh xèo, bánh đa, bánh cuốn. Không chỉ có những món ăn ngon, phong phú, các hàng quán ở đây còn có cách bài trí, phục vụ mang những nét riêng. Những nhà hàng trong khu phố

cổ thường treo một vài bức tranh xưa, xung quanh trang trí cây cảnh hoặc đồ mỹ nghệ. Tên những nhà hàng cũng mang tính truyền thống, được kế thừa từ đời này sang đời khác. Bên cạnh ẩm thực truyền thống, một số món ăn, thói quen xuất phát từ Trung Quốc và phương Tây vẫn được duy trì và phát triển, góp phần làm phong phú nếp ẩm thực của Phố Đầm, phục vụ nhu cầu đa dạng của những du khách.

Thời thuộc Pháp, nhiều gia đình nông thôn còn phải lần từng bữa ăn, rau cháo qua ngày, ấy thế mà dân Phố Đầm vẫn cứ sung túc, vẫn có nhiều nhà kiên cố mọc lên. Người dân quanh vùng nói đến dân Phố Đầm là nể trọng lắm vì tài làm ăn buôn bán kinh doanh, học hành.

Tuy là khu dân cư lấy thương mại là chính, nhưng cũng như làng quê vùng nông thôn khác, Phố Đầm cũng có đền, đình, nhà thờ Kitô giáo được xây dựng theo lối kết hợp giữa bản sắc của người Việt và kiến trúc của người Pháp. Chúng ta có thể nêu các công trình văn hóa tiêu biểu sau:

Trung tâm Phố Đầm có một khoảng đất rộng, hình chữ nhật rất đẹp nằm ở giáp Phụ Thành, bóng dáng như không gian quảng trường mà ta thường bắt gặp ở các nước Phương Tây. Xưa kia nơi đây là nơi họp chợ và sinh hoạt văn hóa của cả làng, xung quanh có nhiều hàng quán, khu giải trí rất sang trọng.

Về đền thờ: Trước kia làng Quảng Ích có 4 ngôi đình, mỗi giáp có ngôi đình riêng để thờ thanh hoàng (*Giáp Phúc Xuyên và Hà Quảng chung một ngôi đình*).

Đình chính nằm ở giữa làng trên một gò đất cao. Đình có kiến trúc chữ Tam, gồm Tiền tế năm gian, Trung từ ba gian và Hậu cung. Mặt đình ngoảnh theo hướng Nam, cổng Nghi môn được xây dựng đồ sộ, bề thế. Phía trong cổng có sân rộng, giữa sân có đường thập đạo, hai bên có hai dãy tả vu, hữu vu.

Khu nội tự trong cùng được thờ Bản Thổ Thành Hoàng tôn thần với nhiều câu đối, cửa võng và hệ thống kèo cột đều được sơn thếp rất đẹp. Phía trên có bức đại tự ghi “Địa Linh Nhân Kiệt” để nói về tài sắc của con người Phố Đầm mà chỉ có thể bắt gặp trong đại tự ở Bảng Môn Đình (Hoàng Lộc, Hoàng Hóa cũ).

Ngoài ngôi đình chính của làng, các ngôi đình của các giáp nhỏ hơn đều được dựng trên khu đất cao hướng ra dòng sông Chu, theo kiến trúc đình truyền thống người Việt. Đình là nơi tụ hội và xây kết tình cảm của nhiều thế hệ người dân Phố Đầm. Riêng đình của giáp Vạn Quang do đây là khu vực của người sống nghề biển, sông nước, nghề nghiệp chủ yếu đi thuyền, buôn bán cá, mắm, muối do vậy tín ngưỡng ở đây là thờ Thủy tinh Công chúa là vị thần bảo hộ cho dân làng làm ăn.

Nhà thờ Công giáo xây dựng năm 1923, thường được gọi là xóm họ đạo. Trải qua bao thời gian và sự biến thiên của lịch sử đến nay nhà thờ vẫn còn giữ nguyên kiến trúc, nội thất phục vụ tín ngưỡng của giáo dân vùng Quảng Ích, Tứ Trụ và một số dân vạn chài ven sông.

Khi Phố Đầm đã phát triển mạnh mẽ là nơi tụ hội của những người thương nghiệp giàu có, nhu cầu của nhân dân quanh vùng, chính quyền Pháp và triều đình Nguyễn đã cho xây dựng Trường Tiểu học (Ecole Primaire de Quang Thi) do Pháp bảo trợ mở từ những năm 1924 tại phố Đầm. Lúc đầu trường chỉ có 3 lớp gồm lớp đồng ấu, dự bị và lớp năm chuyên dạy bằng chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp. Đến năm 1936 trường có đủ 6 lớp gồm lớp Năm, lớp Bốn, lớp Ba, lớp Nhì đệ Nhất, lớp Nhì đệ Nhị và lớp nhất. Lúc đông có trên 152 học sinh từ các huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Lang Chánh đến học⁵.

Đến làng Đầm đặc trưng nhất là khu nhà cổ. Từ năm 1907 doanh nhân ngày một nhiều hơn, có nhiều gia đình làm ăn buôn bán thành đạt đã đua nhau làm nhà. Lúc hưng thịnh Phố Đầm có gần trăm ngôi nhà Tây. Kiểu nhà ở phổ biến nhất chính là những ngôi nhà phố một hoặc hai tầng với đặc trưng chiều ngang hẹp, chiều sâu rất dài tạo nên kiểu nhà hình ống. Những vật liệu chính dùng để xây dựng nhà ở đây đều có sức chịu lực và độ bền cao do đặc điểm khí hậu khắc nghiệt và bão lụt hàng năm của vùng này. Thông thường, các ngôi nhà có kết cấu kiểu nhà khung gỗ, hai bên có tường gạch ngăn cách. Khuôn viên trung bình của các ngôi nhà có chiều ngang khoảng 6 đến 8 mét, chiều sâu khoảng 10 đến 40 mét, biến thiên theo từng khu vực. Bố cục mặt bằng phổ biến của những ngôi nhà ở đây gồm: vỉa hè, hiên, nhà chính, nhà phụ, hiên, nhà cầu và sân trong, hiên, nhà sau ba gian, vườn sau. Kết cấu ngôi nhà chủ yếu xây theo kiểu biệt thự hai tầng, nằm san sát nhau. Với đường nét mềm mại, sinh động hài

5) Theo cụ Nguyễn Quốc Đạt 83 tuổi từng học hết bậc tiểu học ở đây cho biết trong lớp ông học có Cầm Bá Thò (con Cầm Bá Bảo tri châu Thường Xuân), Lê Xuân Khôi con quan lang Mường Tín (châu Lang Chánh) và con Quan lang Châu Nguyệt, Đạo Thắng ở Quan Hóa

hòa giữa điêu khắc kiến trúc Đông -Tây, kiến trúc gồm 3 phần: không gian buôn bán, không gian sinh hoạt và không gian thờ cúng trong đó gian chính giữa ngôi nhà ở tầng hai làm nơi đặt bàn thờ tổ tiên, 2 bên là hoành phi, câu đối sơn thếp rực rỡ. Tầng hai thường lát bằng ván, cầu thang bằng gỗ tốt chạm trổ hoa văn tinh xảo, được kết cấu theo kiểu nhà trên, nhà dưới, nhà ngang, nhà bếp liên hoàn với nhau bằng hệ thống cửa liên thông. Nội thất ngôi nhà chia ra nhiều buồng: buồng ngủ, buồng ăn gắn liền bếp, buồng khách, thiết kế có lò sưởi, ban công rộng rãi, mát mẻ về mùa hè, ấm áp vào mùa đông. Các biệt thự chủ yếu nằm dọc theo đường phố, tạo nên một bức tranh sinh động, lãng mạn mà hiện đại ở một vùng quê hẻo lánh. Tiêu biểu như nhà cụ Lộc, cụ Cai Tám, cụ Cai Thi⁶, cụ Cửu Tích, cụ Cửu Quát, Cửu Điển, Cửu Khang⁷, cụ Lý Ninh, Lý Thư, Lý Xuyên, Lý Sinh⁸, cụ Hồng, cụ Lũy, cụ Lĩ⁹, cụ Lại, cụ Phó Vinh, cụ Thọ, cụ Thắng, cụ Bích...

Nhà ông Ngô Thái Hữu là ngôi biệt thự 2 tầng được xây năm 1883. Đây là hệ thống nhà hai tầng kiến trúc Pháp được xây dựng rất công phu và tráng lệ, xen lẫn những nét cổ kính nhất. Ngôi nhà này vốn trước đây là của cụ Ngô Thái Huân - một trong những nhà tư sản giàu có bậc nhất ở phố Đầm gầy dựng. Nằm ở vị trí trung tâm khá đẹp, mặt hướng ra sông Chu để hứng gió trời, nhà được xây liên hoàn gồm biệt thự chính, nhà ngang, nhà phụ, kho, cửa hàng, tầng hầm, sân rộng. Trước kia cụ tổ là nhà buôn lớn trong vùng, ông đã từng quan hệ với chính quyền Pháp mua cả cánh rừng gỗ lim ở huyện Phủ Quỳ, Quế Phong (Nghệ An), Thường Xuân, Như Xuân, rồi thuê người khai thác, xuôi theo dòng sông Chu đưa ra bán ở các tỉnh ngoài. Nhà ông luôn có nhiều thương nhân từ khắp nơi đến buôn bán, trong đó đáng kể là người Lào đến bán thuốc phiện, mua ché chiêng. Theo truyền lại gia đình ông đã xây dựng một dãy nhà khách dài hàng chục mét để có thể phục vụ ăn ở cho nhiều người. Khoảng sân sau nhà làm nơi chứa hàng và cột ngựa thồ của lái buôn Lào. Sau năm 1954, các con ông đã di cư sang Pháp, vào Nam, còn lại là người con út và cháu, chắt hiện giờ vẫn ở ngôi nhà ấy. Đến nay ngôi nhà đã thay đổi kiến trúc, công năng vốn có nhưng vẫn giữ được nét hưng thịnh của một thời đã qua.

Nhà ông Cao Đại Diện, gia đình gốc ở tỉnh Phú Thọ (cũ) vào đây buôn bán tạp hóa đã bốn thế hệ. Ngôi nhà hai tầng ông đang ở đến nay đã trên trăm tuổi, tường, gạch, cổng, sân đều rêu phong. Tầng một ngôi biệt thự vẫn còn gìn giữ được gần như nguyên vẹn những bức phù điêu, họa tiết đắp nổi, trước nhà còn lại hai chữ Hán viết hiệu "Nguyên Hương". Độc đáo nhất là nền gạch hoa làm bằng đá ghép mảnh nhỏ và những hoa văn trên tường trang nhã. Trên nhà dù đã bị mối mọt nhiều trên những tấm ván lát nền, những cây gỗ sàn. Đáng kể hơn là chiếc giường lò so của Pháp sản xuất trước năm 1935 vẫn được ông dùng. Tuy nhiên cùng với thời gian lớp lò so của giường đã bị hư hỏng nhiều, chỉ còn lại bộ khung, nhìn vào đó chúng ta cũng biết được giá trị quá khứ của nó.

Ngày nay, du khách có dịp về phố Đầm sẽ thấy những biệt thự kiểu Pháp cao vút rêu phong cổ kính, san sát "làm nền" cho nhau để "phô" hết nét đẹp của một thời "hoa lệ" đã qua, giờ trở thành văn hóa truyền thống của một vùng quê bên dòng sông Chu.

Theo kết quả khảo sát, từ những năm 1880 đến 1940 ở Phố Đầm có khoảng hơn 100 ngôi nhà cổ ra đời. Nhưng nay chỉ còn khoảng 50 ngôi nhà theo kiến trúc Pháp. Với vai trò trung tâm buôn bán mất đi Phố Đầm không còn giữ được sự phồn thịnh như trước kia. Các công trình nhà gạch xây dựng khá công phu đã dần xuống cấp. Những dãy nhà hai tầng đến nay đã trên trăm tuổi, tường, gạch, cổng, sân đều rêu phong. Các tầng của các ngôi biệt thự, những bức phù điêu, họa tiết đắp nổi. Độc đáo nhất là nền gạch hoa làm bằng đá ghép mảnh nhỏ và những hoa văn trên tường trang nhã. Nhiều ngôi nhà to và đẹp đã mất dần theo thời gian, những ngôi nhà còn lại đang xuống cấp nghiêm trọng. Nhiều ngôi nhà đã bị mục nát, có căn nhà mối mọt ăn ruỗng gần hết, sân nhà bị vỡ nứt, cánh cửa ra vào lung lay, thủng

6) Cai Tám, Cai Thi là những người làm cai tổng, nên thường gắn chức vụ với tên.

7) Cửu là chức danh được gọi khi làm lý trưởng, tức phẩm hàm cửu phẩm (Chức vụ thấp nhất trong hàng quan). Cửu phẩm có hai loại: Cửu phẩm văn giai và Cửu phẩm bá hộ. Cửu phẩm văn giai là những người được tuyển dụng làm quan. Cửu phẩm bá hộ là những người bỏ tiền ra mua chức danh để được gọi tôn trọng trong làng, được tham gia hội đồng chính quyền bảo hộ tại huyện, phủ và tránh phu phen, phục dịch. ở Phố Đầm thường là cửu phẩm bá hộ.

8) Là những người đã làm lý trưởng.

9) Họ là những người gốc Hoa.

lỗ chỗ khiến cho bất cứ ai bước chân vào ngôi nhà cũng đều có cảm giác như bước chân vào một nơi hoang vắng. Từng họa tiết trang trí trên tường đến những bậc cửa, bức tường đã phủ bụi thời gian. Nhìn ngôi nhà rêu phong cổ kính, khiến những người đến xem không tránh khỏi cảm giác chạnh lòng.

Một khu phố cổ bị lãng quên, nhiều biệt thự tuyệt đẹp không có người ở và bàn tay chăm sóc của con người. Tuy nhiên không vì thế mà Phố Đầm mất đi các giá trị kiến trúc và hơi thở của lúc nó khi ra đời và phát triển.

5. Thảo luận

Việc khảo cứu phố và chợ Đầm đầu thế kỷ XX không chỉ góp phần phục dựng một không gian giao thương cụ thể tại Thanh Hóa mà còn gợi mở nhiều vấn đề học thuật quan trọng liên quan đến lịch sử đô thị, lịch sử kinh tế - xã hội và nghiên cứu văn hóa không gian vùng Bắc Trung Bộ.

Trước hết, từ góc nhìn lịch sử đô thị, phố và chợ Đầm phản ánh quá trình chuyển dịch từ mô hình không gian giao thương truyền thống sang không gian đô thị thuộc địa. Sự hình thành các dãy phố buôn bán song song với chợ truyền thống cho thấy sự đan xen giữa hai tầng cấu trúc: một bên là hệ thống giao thương bản địa dựa vào mạng lưới làng xã - chợ vùng; bên kia là sự quy hoạch theo mô hình hành chính đô thị của chính quyền bảo hộ. Đây là đặc điểm tiêu biểu trong quá trình hình thành đô thị cận hiện đại ở Việt Nam, song lại ít được nghiên cứu ở các địa phương ngoài trung tâm lớn như Hà Nội, Nam Định hay Vinh. Tìm hiểu chợ cũng là tìm hiểu văn hóa: *"Văn hóa chợ thể hiện những khía cạnh nổi bật trong lối sống của người Việt: Chợ quê truyền thống gắn chặt với kinh tế nông nghiệp nông thôn, lối sản xuất nhỏ lẻ, tự cung tự cấp, tự sản tự tiêu và đặc biệt với vai trò của người phụ nữ trong gia đình. Chợ hiện nay đã có nhiều biến đổi, khác hẳn so với chợ truyền thống"* [4, tr. 25]. Hiện nay, mặc dù phố và chợ Đầm quy mô còn lại khá nhỏ bé nhưng đó là không gian văn hóa gốc cần phải bảo vệ, yếu tố "thị" của đô thị cổ cần thiết phải được xem như một "hóa thạch về văn hóa" độc đáo, mang sắc thái riêng biệt cho chính khu vực này.

Thứ hai, từ góc độ kinh tế - xã hội, phố và chợ Đầm thể hiện vai trò điểm nút trung chuyển hàng hóa quan trọng của Thanh Hóa, kết nối các tiểu vùng nông nghiệp, miền núi và ven biển với thị trường nội - ngoại tỉnh. Hoạt động thương mại ở đây không chỉ dừng ở trao đổi hàng hóa thiết yếu mà còn phản ánh các luồng hàng hóa, dịch vụ và mô hình buôn bán mới du nhập trong thời kỳ thuộc địa. Phân tích cấu trúc không gian - thương mại của phố và chợ cho phép hiểu sâu hơn về sự vận hành của nền kinh tế địa phương, cũng như vai trò trung gian của Thanh Hóa trong mạng lưới thương mại khu vực Bắc Trung Bộ.

Thứ ba, về mặt phương pháp, nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp tư liệu thuộc địa, địa chí địa phương và khảo sát điền dã trong nghiên cứu lịch sử không gian thương mại. Tư liệu thuộc địa (bản đồ, địa bạ, báo cáo niên giám...) cung cấp dữ liệu có hệ thống về quy mô, vị trí và tổ chức không gian; trong khi địa chí và ký ức cộng đồng bổ khuyết cho những khoảng trống về hoạt động thực tế, mạng lưới quan hệ xã hội và yếu tố văn hóa. Cách tiếp cận liên ngành này giúp gia tăng độ chính xác và chiều sâu phân tích, đồng thời mở ra hướng tiếp cận khả thi cho các nghiên cứu địa phương có nguồn tư liệu phân tán. Mặc dù vậy, quan điểm về bảo tồn và phát huy cho rằng, mọi hoạt động bảo vệ phải xuất phát từ quan điểm tôn trọng yếu tố gốc kết hợp với tư duy thời đại. Nó cho thấy: *"Khi phát triển đô thị, phải tạo ra được các giá trị mới đáp ứng được tương lai, nếu không đô thị còn bị những mất mát các cấu trúc có giá trị ở các giai đoạn trước"* [3, tr. 153].

Thứ tư, từ góc nhìn chuyên ngành lịch sử và nghiên cứu đô thị, cần khẳng định rằng phố và chợ tại các địa phương như Thanh Hóa không chỉ là phiên bản thu nhỏ của các trung tâm lớn, mà có những đặc thù về cấu trúc mạng lưới, tính thích ứng với môi trường địa lý - xã hội và vai trò trung gian vùng. Việc nghiên cứu các không gian thương mại "vệ tinh" như chợ Đầm góp phần làm rõ mô hình đô thị đa trung tâm của Việt Nam đầu thế kỷ XX, đồng thời cung cấp tư liệu quan trọng cho công tác bảo tồn, nhận diện giá trị không gian lịch sử - thương mại và tích hợp vào quy hoạch phát triển đô thị đương đại.

Trong tương lai, cần mở rộng khảo cứu theo hướng so sánh liên vùng giữa phố và chợ Đầm với các không gian thương mại tương tự ở những địa phương lân cận (như Nghệ An, Nam Định, Hà Tĩnh) để nhận diện các đặc điểm chung và riêng của mạng lưới thương mại Bắc Trung Bộ đầu thế kỷ XX. Bên

cạnh đó, việc ứng dụng các phương pháp số hóa bản đồ lịch sử, phân tích GIS và mô hình hóa không gian có thể giúp tái hiện chính xác hơn cấu trúc thương mại đô thị, tạo cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu chuyên sâu cũng như phát triển các sản phẩm giáo dục- du lịch văn hóa. Đây là hướng tiếp cận có tiềm năng đóng góp thiết thực cho cả lĩnh vực khoa học lịch sử, nghiên cứu đô thị lẫn thực tiễn phát triển không gian di sản hiện nay.

6. Kết luận

Phố Đầm, với đặc trưng là những dãy phố liền kề và các kiến trúc mang dấu ấn Pháp xen lẫn văn hóa bản địa, từng là một trung tâm buôn bán sầm uất, nơi hội tụ những yếu tố kinh tế - xã hội thuận lợi. Sự hình thành và phát triển của Phố Đầm không dựa trên nền tảng hành chính, mà xuất phát từ vị trí địa lý gắn với hoạt động giao thương, bến cảng và dòng chảy hàng hóa. Chính những điều kiện ấy đã tạo nên sự gắn bó khăng khít giữa “phố” và “chợ” để lại dấu ấn thịnh vượng trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

Tuy nhiên, bước sang thời kỳ đổi mới, cùng với biến đổi của điều kiện tự nhiên và không gian kinh tế, Phố Đầm dần mất đi vị thế trung tâm. Nằm ở vùng trũng, thường xuyên chịu lũ lụt, lại không có sự thích ứng kịp thời, nơi đây lụi tàn như nhiều đô thị cổ khác. Dân cư Phố Đầm chủ yếu là dân ngụ cư, sống bằng nghề buôn bán, có lối sống tài hoa, can trường, phóng khoáng hơn so với cư dân nông nghiệp thuần túy. Song, dưới sức ép của cơ chế phong kiến và thực dân, Phố Đầm vẫn không thể vượt thoát để trở thành một đơn vị thị độc lập.

Hiện nay, vai trò trung tâm giao thương đã mất, nhiều hộ dân di cư đến vùng đất mới, số còn lại chủ yếu buôn bán nhỏ lẻ. Không gian kiến trúc biệt thự Pháp và di sản vật thể như đình, đền, điểm canh, nhà cổ... đã bị mai một đáng kể. Sau hơn một phần tư thế kỷ lãng quên, Phố Đầm chỉ còn lại những dấu vết mờ nhạt, đứng trước nguy cơ biến mất trong tương lai gần.

Trong bối cảnh đó, việc bảo tồn Phố Đầm không chỉ là nhu cầu văn hóa - lịch sử của cộng đồng địa phương mà còn là trách nhiệm chung trong công cuộc gìn giữ di sản đô thị cổ của quốc gia. Vì vậy cần có sự nghiên cứu, khảo sát và công nhận chính thức Phố Đầm như một “phố cổ”, đồng thời xây dựng kế hoạch trùng tu, bảo tồn gắn với phát triển du lịch, đặc biệt trong mối liên hệ với quần thể di tích Lam Kinh. Chỉ khi có sự vào cuộc đồng bộ của Nhà nước và cộng đồng, Phố Đầm mới có thể được hồi sinh như một phần ký ức đô thị, góp phần làm giàu bản sắc văn hóa và phát triển bền vững cho các thế hệ mai sau.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoài An (2006). *Chợ quê đồng bằng sông Cửu Long thời hội nhập*. Tạp chí Thương mại, số 32, tr. 34-35.
- [2] Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa (2002). *Lịch sử Thanh Hóa* (tập III), NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- [3] Vũ Hoài Đức (2019). *Đặc điểm và sự biến đổi cấu trúc không gian khu phố cũ Hà Nội*. Luận án Tiến sĩ Quy hoạch vùng và đô thị, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [4] Nguyễn Bá Huy (2016). *Chợ quê truyền thống và sự biến đổi (qua nghiên cứu trường hợp: chợ Quảng Oai, Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội)*. Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học Xã hội.
- [5] Đặng Thị Kim Liên (2011). *Chợ quê Quảng Bình*. NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [6] Lê Thị Mai (2004). *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [7] Nhật Minh (2025). *Từ phố cổ chợ đến phố văn minh thương mại*. Nguồn: <https://kinhtedothi.vn/tu-pho-co-cho-den-pho-van-minh-thuong-mai.799559.html>.